

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 76/2017/DSPT

Ngày: 15-11-2017

V/v tranh chấp tháo dỡ, di dời nhà và
tài sản trả lại quyền sử dụng đất thuê

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tư

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Văn Bé Tư - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “tranh chấp tháo dỡ, di dời nhà và tài sản trả lại quyền sử dụng đất thuê”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DSST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 286/2017/QĐPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh L1; Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Ông La Thành T.

2. Bà Huỳnh Thị Mai K.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Huỳnh Thị Mai K: Ông La Thành T. (Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2017).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh L2; Địa chỉ: Phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Huỳnh Quốc V; Địa chỉ: Thị trấn O, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

- Người kháng cáo: Bị đơn La Thành T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Huỳnh Thanh L1 và người đại diện hợp pháp trình bày:

Vào tháng 3/2013, ông Huỳnh Quốc V cho bà Huỳnh Thị Mai K thuê phần đất thửa 540, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.234,8m² tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, thời hạn thuê 03 năm (từ ngày 01/3/2013 đến ngày 01/3/2016), giá thuê mỗi năm 10.000.000 đồng, việc thuê đất có lập hợp đồng ngày 01/3/2013 và không công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.

Trong lúc thực hiện hợp đồng thuê đất nêu trên, phía ông V chuyển nhượng phần đất cho thuê thửa đất 540 cho ông Huỳnh Thanh L1. Ngày 25/11/2015 ông L1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 63, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.310,9m². Vào thời điểm chuyển nhượng đất ông V, ông L1, bà K và ông T có thỏa thuận miệng khi nào hết hợp đồng thuê đất với ông V, vợ chồng ông T, bà K có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời tài sản trả đất. Bà K, ông T đồng ý.

Ngày 01 tháng 3 năm 2016 khi hợp đồng thuê đất giữa ông T, bà K với ông V hết hạn, ông L1 có thông báo nhiều lần, yêu cầu di dời tài sản trả lại đất nhưng phía bị đơn chỉ di dời một số tài sản như: cát, đá, vật dụng trong kho. Sau đó, ông L1 tiếp tục chuyển nhượng phần đất này cho ông Nguyễn Thanh L2 với giá chuyển nhượng là 600.000.000 đồng, tuy nhiên ông L2 chỉ mới thanh toán cho ông Linh 300.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng hai bên thỏa thuận “Trên phần đất chuyển nhượng có tài sản của người thứ ba (của bà K, ông T) khi nào ông T, bà K di dời tài sản giao mặt bằng cho ông L2 sử dụng thì ông L2 mới trả số tiền còn lại là 300.000.000 đồng còn lại” nên cho đến nay hợp đồng chưa thực hiện được. Khi ông L1 chuyển nhượng đất cho ông L2 thì ông L1 có thông

báo cho bà K, ông T biết. Hiện nay phần đất trên do ông L2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 102, tờ bản đồ số 14 diện tích 2021,7m².

Nay ông L1 yêu cầu buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Mai K và ông La Thành T di dời toàn bộ tài sản gồm: 01 nhà kho chứa vật liệu: Ngang 8,2m, dài 10,6m. Kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép chôn chân + sắt tiền chế, nền đất, vách tường + tường lửng + tone, mái lợp tole; 01 nhà kho chứa vật liệu: ngang 8,2m, dài 5,3m, kết cấu: khung cột bê tông cốt thép chôn chân + sắt tiền chế, nền lát xi măng, vách tường + tường + tone, mái lợp tole (kho liền kề); 01 nhà làm việc + nhà ở: ngang 5,3m, dài 5,3m, kết cấu: khung cột bê tông, cốt thép, không móng, nền lát gạch men, vách tường dày 100, mái lợp tone + trần và 01 đóng đá 4x6 khoảng 100m³ để trả lại quyền sử dụng đất cho ông để ông giao đất cho ông L2. Trường hợp Tòa án xét xử buộc bị đơn di dời tài sản trả đất, nguyên đơn đồng ý hỗ trợ chi phí di dời 3.000.000 đồng và cho thời hạn di dời tài sản là 01 tháng. Ngoài ra ông Huỳnh Thanh L1 không tranh chấp hợp đồng thuê đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Huỳnh Thị Mai K và ông La Thành T trình bày:

Phần đất thửa số 63, tờ bản đồ số 14 diện tích 2310,9m² (thửa mới 102, diện tích 2.021,7m²) loại đất ở và đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long có nguồn gốc từ ông Huỳnh Quốc V. Trước đây, ông và bà thuê mặt bằng của ông V để kinh doanh cửa hàng vật liệu xây dựng từ tháng 3/2013 đến tháng 3/2016, giá thuê là 10.000.000 đồng/năm.

Đến tháng 11/2015, ông V chuyển nhượng phần đất nêu trên cho ông L1 và sau khi chuyển nhượng ông V, ông L1 có thông báo miệng cho ông bà biết, khi nào hết hợp đồng thuê đất thì ông bà di dời nhà kho và tài sản để giao đất cho ông L1. Sau đó ông L1 tiếp tục chuyển nhượng phần đất này cho ông L2. Khi chuyển nhượng đất xong ông L2, ông L1 có thông báo cho ông bà biết. Khi hết hạn hợp đồng ông, bà có di dời một số cát, đá, vật dụng trong nhà kho xong, còn nhà kho, phòng làm việc và đóng đá 4 x 6 nhưng phía ông L1 ngăn cản và tranh chấp. Mặt khác, đất của ông bà đang tranh chấp lỗi đi với ông Huỳnh Văn P nên không có chỗ di dời.

Phần đất thửa 102, tờ bản đồ số 14, diện tích 2021,7m² hiện nay ông L1 đã chuyển nhượng cho ông L2 nên ông L1 không có quyền khởi kiện. Trường hợp pháp luật buộc ông bà di dời, thì ông bà nhưng yêu cầu hỗ trợ chi phí di dời theo giá trị tài sản và công di dời là 97.631.486 đồng theo tại biên bản định giá ngày 20/6/2017. Ông, bà không tranh chấp hợp đồng thuê đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Quốc V trình bày:

Ông thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn. Hiện nay phần đất phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn di dời tài sản trả đất không có tài sản của ông nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh L2 trình bày:

Ông thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án số 16/2017/DSST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 186, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 703, khoản 3 Điều 706, khoản 5 Điều 707 và Điều 712 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh L1.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Mai K và ông Lê Thành T tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản gồm:

- 01 nhà kho chứa vật liệu: Ngang 8,2m, dài 10,6m. Kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép chôn chân + sắt tiền chế, nền đất, vách tường + tường lững + tone, mái lợp tone;

- 01 nhà kho chứa vật liệu: Ngang 8,2m, dài 5,3m. Kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép chôn chân + sắt tiền chế, nền láng xi măng, vách tường + tường + tone, mái lợp tone (kho liền kề);

- 01 nhà làm việc và ở: Ngang 5,3m, dài 5,3m. Kết cấu: Khung cột bê tông, cốt thép, không móng, nền lát gạch men, vách tường dày 100, mái lợp tone + trần và 01 đóng đá 4x6 khoảng 100m³.

Trả lại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 diện tích 2310,9m² loại đất ở và đất trồng cây lâu năm. Tọa lạc tại: ấp L, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do ông Huỳnh Thanh L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa mới theo Vlap là thửa 102, diện tích 2021,7m², loại đất ở + Trồng cây lâu năm, do ông Nguyễn Thanh L2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Thời gian tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trả lại quyền sử dụng đất nêu trên là 01 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Buộc nguyên đơn ông Huỳnh Thanh L1 hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời cho bị đơn bà Huỳnh Thị Mai K và ông La Thanh T là 3.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, bị đơn La Thành T có đơn kháng cáo với nội dung ông không đồng ý di dời, trả lại đất cho phía nguyên đơn nếu trường hợp buộc di dời thì phía nguyên đơn phải hỗ trợ chi phí di dời theo biên bản định giá là 97.631.486 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn La Thành T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng trong quá trình thuê đất ông có cải tạo một phần đất như đổ cát nâng nền nhưng ở cấp sơ thẩm ông không biết nên không yêu cầu. Còn phía bị đơn ông L1 không thừa nhận việc ông T đổ cát nâng nền trên phần đất thuê.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 706, Điều 707, Điều 712 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn La Thành T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vào ngày 01/3/2013 ông Huỳnh Quốc V cho bà Huỳnh Thị Mai K thuê phần đất thửa 540, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.234,8m² (thửa mới 102, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.021,4m²), đất tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh

Long. Mục đích thuê để cải tạo làm mặt bằng kinh doanh, thời hạn thuê 3 năm đến ngày 01/3/2016 hết hạn. Hợp đồng thuê đất có làm giấy tay không công chứng, chứng thực.

[2] Ông T cho rằng sau khi hết thời hạn thuê đất ông có di dời một số vật liệu đi nơi khác nhưng phía ông L1 ngăn cản. Còn phía ông L1 cho rằng khi hết thời hạn thuê đất, ông T có di dời một số vật liệu mua bán như cát đá sang phần lõi đi vào phần đất khác của cha ông L1 (là ông nội của bà K) nên hai bên mới xảy ra tranh chấp. Ngoài ra, ông T cho rằng ông không đồng ý việc chuyển nhượng đất giữa ông V với ông L1, ông L2 trong thời gian cho ông thuê đất vì ảnh hưởng đến tài sản, quyền lợi hợp pháp của ông và cho rằng phần đất thửa 102, tờ bản đồ số 14, diện tích 2021,7m² hiện nay ông L1 đã chuyển nhượng cho ông L2 nên ông L1 không có quyền khởi kiện. Xét phần đất thửa 540, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.234,8m² sau khi ông V chuyển nhượng cho ông L1 thì ngày 25/11/2015 ông L1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 63, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.310,9m². Ông T thừa nhận khi ông Vũ chuyển nhượng phần đất thửa 540, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.234,8m² cho ông L1 thì ông T biết và ông với ông L1 thỏa thuận miệng khi hết thời hạn thuê đất tức ngày 01/3/2016 ông T, bà K sẽ tự tháo dỡ, di dời nhà, tài sản để trả lại đất thuê cho ông L1. Nhưng đến ngày 01/3/2016, ông T chỉ di dời một số vật liệu mua bán đi nơi khác còn lại 01 nhà kho chứa vật liệu, 01 nhà làm việc và 01 đóng đá 4x6 ông T không chịu di dời. Sau đó ông L1 nhiều lần yêu cầu ông T, bà K di dời và ngày 26/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, ông T cam kết sẽ di dời các tài sản trên phần đất thuê trong thời hạn 40 ngày để trả lại đất cho ông L1 nhưng sau đó ông T không thực hiện. Đến ngày 20/12/2016 ông L1 chuyển nhượng phần đất trên cho ông Nguyễn Thanh L2 và ông L2 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 102, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.021,7m². Căn cứ Điều 712 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông V sang cho ông L1 trong thời hạn thuê đất và được cơ quan có thẩm quyền cho phép là phù hợp pháp luật. Việc ông L1 chuyển nhượng đất cho ông L2 là thực hiện sau thời điểm ông T hết thời hạn thuê đất và sau khi ông L1 chuyển nhượng đất thì ông L1 chưa giao đất cho ông L2 và hiện nay ông L2 chỉ trả cho ông L1 ½ số tiền chuyển nhượng đất phần tiền còn lại hai bên thỏa thuận khi ông T, bà K di dời nhà, tài sản xong thì ông L2 sẽ giao cho ông L1. Căn cứ Điều 182, Điều 183 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì hiện nay ông L1 là người chiếm hữu tài sản hợp pháp đối với phần đất cho thuê nên ông L1 có quyền khởi kiện ông T, bà K yêu cầu di dời tài sản ra khỏi thửa đất 102 để giao tài sản cho ông L2.

[3] Nhận thấy tại phiên tòa ông V, ông L1 và ông T đều thừa nhận không tranh chấp nội dung hợp đồng thuê đất lập ngày 01/3/2013 giữa ông V với bà K và xác định đến ngày 01/3/2016 hết thời hạn thuê đất thì ông T, bà K phải tháo dỡ di dời nhà, tài sản để trả lại đất cho ông L1 và hai bên không có thỏa thuận khác. Căn cứ Điều 706, Điều 707 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì bên thuê quyền sử dụng đất phải có nghĩa vụ “trả lại đúng tình trạng như khi nhận sau khi hết thời hạn thuê, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Do đó, ông T kháng cáo không đồng ý di dời nhà, tài sản ra khỏi phần đất thuê thửa 102, tờ bản đồ số 14, diện tích 2021,7m² do ông L2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi đã hết thời hạn thuê đất theo hợp đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, tại phiên tòa ông T cho rằng trong quá trình thuê đất ông có cải tạo một phần đất như đổ cát nâng nền trên phần đất thuê nhưng ở cấp sơ thẩm ông không biết nên không yêu cầu và ông T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có đổ cát nâng nền trên phần đất thuê. Phía ông L1, ông V cho rằng trong quá trình thuê đất bên ông T không có cải tạo hoặc làm tăng giá trị đất nên không có cơ sở xem xét.

[4] Về chi phí hỗ trợ di dời, ông T kháng cáo yêu cầu phía nguyên đơn phải hỗ trợ chi phí di dời cho ông là 97.631.486 đồng theo biên bản định giá ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít trong đó giá trị tài sản trên đất là 92.631.486 đồng và chi phí nhân công di dời là 5.000.000 đồng nhưng ông L1 không đồng ý. Xét các tài sản theo biên bản định giá ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít là của ông T, bà K xây dựng khi thuê đất để kinh doanh vật liệu xây dựng khi hết thời hạn thuê hai bên không có thỏa thuận khác nên ông T, bà K phải tháo dỡ, di dời tài sản để trả lại đất cho bên cho thuê và ông L1 đồng ý hỗ trợ chi phí di dời cho ông T là 3.000.000 đồng theo như án sơ thẩm nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

[5] Về thời hạn di dời tài sản: Nguyên đơn đồng ý cho ông T, bà K thời hạn 01 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật phải tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi phần đất cho thuê thuộc thửa đất 102, tờ bản đồ số 14, diện tích 2021,7m². Xét sự tự nguyện này là phù hợp pháp luật nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn La Thành T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số:16/2017/DSST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 182, Điều 183, Điều 706, Điều 707 và Điều 712 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166 của Luật đất đai năm 2013. Tuyên xử:

1. Ngay sau khi hết thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đến hết ngày 15/12/2017) buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Mai K và ông La Thành T tháo dỡ, di dời toàn bộ các tài sản gồm:

- 01 nhà kho chứa vật liệu: Ngang 8,2m, dài 10,6m. Kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép chôn chân + sắt tiền chế, nền đất, vách tường + tường lững + tone, mái lợp tone;

- 01 nhà kho chứa vật liệu: Ngang 8,2m, dài 5,3m. Kết cấu: Khung cột bê tông cốt thép chôn chân + sắt tiền chế, nền láng xi măng, vách tường + tường + tone, mái lợp tone (kho liền kề);

- 01 nhà làm việc và ở: Ngang 5,3m, dài 5,3m. Kết cấu: Khung cột bê tông, cốt thép, không móng, nền lát gạch men, vách tường dày 100, mái lợp tone + trần và 01 đóng đá 4x6 khoảng 100m³.

Trả lại cho ông Huỳnh Thanh L1 phần đất thuê thuộc thửa 102, diện tích 2021,7m², loại đất ở + trồng cây lâu năm do ông Nguyễn Thanh L2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà, đất và tài sản tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh L1 hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời cho bị đơn bà Huỳnh Thị Mai K và ông La Thanh T số tiền là 3.000.000 (ba triệu đồng).

3. Án phí: Ông La Thành T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 5740 ngày 26/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít được khấu trừ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TA cấp cao: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND HMT: 01;
- VKSND HMT: 01;
- Chi Cục THADS HMT: 01;
- ĐS: 06;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca